TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 01/8/2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị T;
Bà Trần Thị Thanh V.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn C là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-DS ngày 05/5/2022 về việc: *"Tranh chấp hợp dân sự mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: công ty TNHH MTV Y.

Trụ sở: số 744B, Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn Y. Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Đình T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: số 11 T, lô 90, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022. Ông Y có mặt.

2. Bị đơn: vợ chồng Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn 2, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Văn Ythì:

Ngày 20/4/2019, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng mua phân bón trả chậm với công ty TNHH MTV Y. Số lượng phân bón công ty bán cho ông T, bà H là 05 tấn phân vi sinh, với giá là 3.700.000đ/01 tấn, thành tiền là 18.500.000đ. Thời hạn thanh toán thỏa thuận là ngày 25/12/2019, lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng. Đến hạn, công ty có yêu cầu ông T, bà H thanh toán tiền nhiều lần nhưng ông T, bà H không thanh toán tiền cho công ty. Do vậy công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà H phải thanh toán cho công ty số tiền gốc là 18.500.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/8/2022 là 31 tháng 05 ngày tính thành tiền là 8.648.000đ. Tổng cộng là cả tiền gốc và tiền lãi là 27.148.000đ. Ngoài ra, công ty không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 20/4/2019, vợ chồng ông, bà ký hợp đồng mua phân bón trả chậm với công ty TNHH MTV Y về việc mua số lượng phân bón là 05 tấn phân vi sinh, với giá là 3.700.000đ/01 tấn, thành tiền là 18.500.000đ. Thời hạn thanh toán thỏa thuận là ngày 25/12/2019, lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng ông, bà bón được 03 tấn phân cho cây trồng thì khoảng 02 tháng sau vợ chồng ông, bà thấy cây chanh dây, cây cà phê bị vàng lá. Vợ chồng ông, bà yêu cầu công ty vào nhận lại số lượng phân còn lại khoảng 02 tấn nhưng công ty không vào. Qua yêu cầu khởi kiện của công ty thì vợ chồng ông, bà chỉ đồng ý thanh toán cho công ty số tiền gốc đối với 03 tấn phân bón mà ông, bà đã sử dụng tương ứng với số tiền là 11.100.000đ; đối với số lượng phân bón là 02 tấn còn lại chưa sử dụng ông, bà không đồng ý thanh toán tiền cho công ty với lý do ông, bà đã báo cho công ty vào lấy lại phân về nhưng công ty không vào lấy. Vợ chồng ông, bà không đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của công ty. Ngoài ra, vợ chồng ông, bà không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông T, bà H phải thanh toán cho công ty TNHH MTV Y số tiền gốc là 18.500.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/8/2022 là 31 tháng 05 ngày tính thành tiền là 8.648.000đ. Tổng cộng là cả tiền gốc và tiền lãi là 27.148.000đ. Còn bị đơn vợ chồng ông T, bà H giữ nguyên ý kiến: chỉ đồng ý thanh toán cho công ty TNHH MTV Y số tiền gốc đối với 03 tấn phân bón mà ông, bà đã sử dụng tương ứng với số tiền là 11.100.000đ; đối với số lượng phân bón là 02 tấn còn lại ông, bà chưa sử dụng thì ông, bà không đồng ý thanh toán tiền cho công ty với lý do phân bón kém chất lượng ông, bà đã báo cho công ty vào lấy lại phân về nhưng công ty không vào lấy. Vợ chồng ông, bà cũng không đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của công ty nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về xác định quan hệ tranh chấp:*

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho công ty số tiền gốc 18.500.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/8/2022 là 8.648.000đ. Tổng cộng là cả tiền gốc và tiền lãi là 27.148.000đ nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV Y với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc mua bán phân bón giữa công ty TNHH MTV Y và vợ chồng ông T, bà H hai bên có xác lập hợp đồng mua bán kiêm phiếu giao, nhận hàng hóa vào ngày 20/4/2019. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông T, bà H thừa nhận: Ngày 20/4/2019, vợ chồng ông, bà ký hợp đồng mua phân bón trả chậm với công ty TNHH MTV Y với số lượng phân bón là 05 tấn phân vi sinh, với giá là 3.700.000đ/01 tấn, thành tiền là 18.500.000đ. Thời hạn thanh toán thỏa thuận là ngày 25/12/2019, lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng.

Như vậy, việc mua phân bón giữa công ty TNHH MTV Y và vợ chồng ông T, bà H là có xảy ra trên thực tế. Việc vợ chồng ông T, bà H chỉ đồng ý thanh toán cho công ty TNHH MTV Y số tiền gốc đối với 03 tấn phân bón mà ông, bà đã sử dụng tương ứng với số tiền là 11.100.000đ; đối với số lượng phân bón là 02 tấn còn lại ông, bà chưa sử dụng thì ông, bà không đồng ý thanh toán tiền cho công ty với lý do phân bón kém chất lượng ông, bà đã báo cho công ty vào lấy lại phân về nhưng công ty không vào lấy. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông T, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử cần buộc vợ chồng ông T, bà H phải thanh toán cho công ty TNHH MTV Y số tiền gốc là 18.500.000đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của công ty thì tại hợp đồng mua bán kiêm phiếu giao, nhận hàng hóa lập ngày 20/4/2019, tại mục ghi chú có ghi nội dung: *"Lãi suất 1,5%/tháng đối với những trường hợp trả tiền sau ngày 25/12/2019"*, như vậy khi xác lập hợp đồng mua bán các bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả nên mức lãi suất công ty yêu cầu thanh toán là 1,5%/tháng, tính từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/8/2022 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Số tiền lãi của số tiền gốc 18.500.000đ tính theo mức 1,5%/tháng, tính từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/8/2022, là 31 tháng 05 ngày được tính cụ thể như sau: 18.500.000đ x 1,5%/tháng x 31 tháng 05 ngày = 8.648.000đ. Do vậy, yêu cầu tính lãi của công ty TNHH MTV Y là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV Y, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho công ty TNHH MTV Y số tiền gốc là 18.500.000đ và số tiền lãi là 8.648.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 27.148.000đ là phù hợp.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho công ty TNHH MTV Y theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 27.148.000đ x 5% = 1.357.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 430; Điều 440; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của công ty TNHH MTV Y về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H phải thah toán cho công ty TNHH MTV Y số tiền gốc là 18.500.000đ và số tiền lãi là 8.648.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 27.148.000đ *(Hai mươi bảy triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H phải nộp 1.357.000đ *(Một triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

H trả công ty TNHH MTV Y số tiền 629.000đ *(Sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003180 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị H